**Bryan Caplan**

Kinh tế học gia đình

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Kinh tế học gia đình](" \l "bm2)

**Bryan Caplan**

Kinh tế học gia đình

Dịch viện: Lê Nga

**I.Thị trường bạn đời**   
A. Ngày nay hầu hết mọi người cưới nhau vì tình yêu, nhưng một số lại coi trọng tất cả các phẩm chất ngang nhau khi chọn người yêu.  
B. Hầu hết mọi người tìm kiếm bạn đời với những đặc điểm mong muốn như là:

1. Dễ thương  
2. Có thu nhập  
3. Trẻ  
4. Phẩm chất tốt  
5. Cẩn thận  
6. Có cùng sở thích  
7. Cùng tôn giáo  
8. Có quan điểm giống nhau trong việc đánh giá một gia đình mong muốn.

C. Thông thường mọi người với nhiều đặc điểm mong muốn cảm thấy dễ dàng khiến cho những người giống mình muốn cưới họ. "Cô ấy không cùng hội hay nhóm với bạn."  
D. Khi có một sự khác nhau lớn trong khái niệm đã được nhận thức "chất lượng bạn đời", mọi người băn khoăn "Cô ta nhìn thấy điều gì ở anh ta nhỉ?"  
E. Điều này gợi ý rằng chúng ta có thể xem việc hẹn hò/yêu đương/ kết hôn là một loại hình đặc biệt của thị trường.  
F. Hai điều thú vị là

1. Đó thường là thị trường trao đổi, là nơi mà một lượng "giá trị bạn đời nam" nhất định có thể tạo điều kiện cho bạn "mua" một lượng "giá trị bạn đời nữ" nhất định (Ngoại trừ: giá cả của cô dâu -- món tiền hồi môn)  
2. Cung nam giới trên thị trường bạn đời nam giống như cầu phụ nữ trên thị trường bạn đời nữ.

G. Thị trường này hoạt động ít nhiều giống các thị trường khác: Nếu có nhiều đàn ông chết trong một cuộc chiến tranh lớn, thì giá cả đàn ông tăng vọt (và giá cả phụ nữ vì thế mà cũng giảm đi)  
H. Một ứng dụng khác khá hay là: Tục đa thê. Dưới chế độ đa thê thì cầu phụ nữ cao hơn.  
I. Một số ít người đàn ông và đàn bà đồng tính luyến ái ảnh hưởng đến thị trường kết hôn giữa nam và nữ như thế nào?  
J. Có một vài đặc điểm mà hầu hết mọi người đồng ý là tốt như: ưa nhìn, có thu nhập.  Theo một vài đặc điểm này, chúng ta nên kỳ vọng nhìn thấy và làm "sự lựa chọn đồng dạng" (assortive mating). Mọi người có đặc điểm "tốt" cưới những người khác mà cũng có đặc điểm "tốt"; nếu ai đó yếu ở những điểm tốt của người khác thì chúng ta hy vọng họ sẽ trở nên mạnh mẽ hơn.  
K. Điều này làm nẩy sinh sức ép cạnh tranh để yêu cầu các đặc điểm mong muốn gần như là phổ biến này, và ở mức độ nào đó - sẽ làm tăng số lượng.  
L. Đối với đặc điểm của người khác mà mọi người không đồng tình. Ví dụ, người Do Thái thích lấy những người Do Thái khác, nhưng người không phải là Do Thái thích lấy những người không phải là Do Thái. Những người hay đi du lịch thích lấy nhau. Ngày càng ít sự cạnh tranh trong lĩnh vực này bởi vì mỗi một vị trí công việc đều có thuận lợi và khó khăn.  
M. Một vài mối tương quan vợ chồng: Vợ chồng tương quan với nhau về giáo dục, tôn giáo, sở thích, và ở khía cạnh hẹp hơn "chính trị". Mối tương quan cá nhân thì rất yếu. Hầu như chả có bằng chứng nào về mối tương quan giữa phẩm chất xấu - đối nghịch không hấp dẫn.  
**II.Công việc gia đình và Thuyết Cung lao động gia đình, I**  
A. Để chúng ta phân loại thời gian "lao động" hay "nhàn rỗi". Bây giờ hãy chia nhỏ "nhàn rỗi" thành "công việc gia đình" và "vui vẻ".  
B. Công việc gia đình là dọn dẹp, nấu ăn, đi chợ và chăm sóc trẻ em, và tất cả việc vặt khác mà họ phải làm khi không làm việc bên ngoài cho ai cả.  
C. Chúng ta thường nghĩ "tổ chức kinh tế" là một cá nhân. Nhưng chúng ta có thể cho rằng "tổ chức kinh tế" là gia đình hay hộ gia đình.  
D. Điều thú vị: Hộ gia đình với một người đàn ông và một người đàn bà có thể là tổ chức kinh tế đơn lẻ với 2 loại lao động phân bổ - lao động người chồng và lao động của người vợ - giữa lao động, sản phẩm hộ gia đình và sự vui vẻ.  
E. Nếu cả vợ và chồng đều tạo ra những công việc gia đình tốt như nhau, thì cách gì tốt nhất quyết định ai sẽ làm nhiều hơn cả? Đó chính là người có mức tiền công thị trường thấp nhất! Gia đình bán thời gian có giá trị trên thị trường lao động, tiết kiệm thời gian có giá trị thấp cho các công việc gia đình.

1. Các cách thay thế: Giả sử cả vợ và chồng đều làm việc, và trả tiền công cho ai đó để làm các việc gia đình. Nhưng đối với điều này thì mức lương của người vợ phải tương đối cao (luật thuế củng cố điều này).

F. Hai nhân tố củng cố cho điều này:

1. Nếu lao động tiền công thấp thực sự tốt hơn khi làm việc nhà  
2. Có chi phí làm việc cố định - giống như thời gian thay thế.

G. Về nguyên tắc, hoặc bà vợ hay ông chồng đều có thể là người có thu nhập cao. Nhưng có những lý do đơn giản mà tại sao người chồng thường là người kiếm nhiều hơn:

1. Trẻ con làm kinh nghiệm nghề nghiệp của người mẹ giảm xuống và làm gián đoạn sự nghiệp.

2. Dự kiến trước điều này, phụ nữ thường có những khuyến khích ít hơn để tích luỹ nguồn lực con người (Trình độ giáo dục trung bình cho thấy ít sự khác biệt nhưng càng ít phụ nữ làm việc trong lĩnh vực công nghệ có thu nhập cao)  
**III.Công việc gia đình và Thuyết Cung lao động gia đình, II**  
A. Khi nhu cầu công việc gia đình lớn, có một công ty sáng suốt kinh tế cho các gia đình truyền thống, nơi mà người chồng là người có thu nhập chủ yếu và người phụ nữ phải làm hết các công việc gia đình. Sự sáng suốt tóm gọn lại trong các yếu tố sau:

1. Gia đình cần một người đảm nhiệm các việc gia đình và người kia có đủ năng lực duy trì công việc.  
2. Nếu cả hai đều có khả năng như nhau trong làm công việc nhà, thì người có lương cao hơn nên đi làm ở ngoài. (Hơn nữa, nếu phụ nữ thực sự làm tốt công việc nhà, thì quyết định sẽ rõ ràng hơn)  
3. Bởi vì việc mang thai làm gián đoạn sự nghiệp, nên người có thu nhập thấp sẽ thường là phụ nữ. Nếu phụ nữ biết trước điều này, họ sẽ đầu tư ít hơn vào kiến thức, khiến cho khoảng cách tiền công ngày càng rộng.  
4. Với chi phí công việc đã được ấn định, không nên làm việc đôi ba tiếng mỗi tuần.

B. Nhưng: cầu việc gia đình là không cố định. Nó phụ thuộc vào cả công nghệ và số trẻ con trong gia đình.  
C. Cả 2 nhân tố trên làm giảm cầu công việc gia định trong suốt thế kỷ 20.

1. Công nghệ cho các công việc gia đình được cải thiện một cách đáng kể - máy rửa bát, máy hút bụi, máy giặt,?  
2. Số trẻ em trung bình đang giảm một cách đáng kể.

D. Khi thời gian phân bổ trong công việc gia đình bị giảm xuống, người phụ nữ có con dường như vẫn còn tăng trên thị trường việc làm - một vài công việc làm ngoài giờ, những người khác thì làm cả buổi.  
E. Mối liên hệ thú vị giữa cung lao động vợ và chồng thường vẫn có khi cả hai cùng làm việc.

1. Nếu như cầu cho một loại lao động tăng, cung loại kia sẽ giảm, mọi thứ khác cân bằng. Ví dụ, tiền công bà vợ tăng lên, sau đó gia đình có thể "mua" nhiều thời gian của các ông chồng hơn. Nếu tiền công của ông chồng tăng, gia đình có thể quyết định có thể cho bà mẹ ở nhà trông trẻ con.  
2. Tương tự, nếu một thành viên gia đình tạm thời không thể làm việc, chúng ta có thể hy vọng thành viên gia đình còn lại làm việc nhiều hơn do thu nhâu này ảnh hưởng.

**IV.Kinh tế học về quy mô gia đình.**  
A. Khi có một vài nhân tố thay đổi, ở khía cạnh rộng hơn thì gia đình có thể lên kế hoạch số con mà họ muốn sinh.  
B. Chúng ta nên hy vọng đường cầu trẻ con thường có độ dốc âm. Việc có con càng làm chi phí ít thì mọi người càng muốn sinh con hơn.  
C. Một phần lớn chi phí là thu nhập lao động biết trước của bà mẹ. Thu nhập bà mẹ càng cao, thì càng ít trẻ con mà chúng ta hy vọng các bà mẹ có.  Đó là bước đầu tiên mà chúng ta thấy các bà mẹ thu nhạp cao có ít con hơn và kích cỡ gia đình ở những nước giầu cũng nhỏ hơn so với các nước nghèo.  
D. Tuy nhiên, tranh luận này không phải đúng hoàn toàn. Khi của cải tăng, cầu cho tất cả hàng hóa bao gồm trẻ con cũng tăng lên.  
E. Điều mà chúng ta có thể tự tin cho rằng nắm giữ sự ổn định của cải, cầu trẻ con có độ dốc âm. Do đó, thay đổi trong chi phí chăm sóc trẻ con, trợ giúp miễn phí từ bố mẹ, miễn phí trường học, và mỗi khoản khấu trừ thuế cho một đứa trẻ sẽ làm tăng quy mô gia đình.  
F. Tương tự, nếu trẻ con đóng góp cho gia đình bằng cách làm việc hay làm việc vặt, hay cuối cùng cung cấp thu nhập lương hưu, quy mô gia đình sẽ lớn hơn và ngược lại.  
G. Landsburg đã đưa ra quan điểm có liên quan đến dân số rất thú vị. Những biểu hiện ngoại lai có sinh con không?  
H. Landsburg chú ý: rất nhiều người nghĩ rằng mỗi trẻ em sinh ra đã lấy đi 1/5 tỷ nguồn nguyên liệu của thế giới - ngụ ý những biểu hiện ngoại lai tiêu cực. Nhưng đã nhầm! Thậm chí khi một gia đình có thêm một đứa trẻ, mỗi đứa trẻ trong gia đình này chẳng có ảnh hưởng mấy đến người khác. Nếu cha mẹ quan tâm con cái thì không có ảnh hưởng ngoại lai.

1. Điều này đặc biệt rõ ràng trong các di sản để lại.

I. Landsburg đã tiếp tục tranh luận về những ảnh hưởng ngoại lai tích cực của việc mang thai. Hầu hết mọi người muốn được sống, nhưng cha mẹ dưới sức ép khi họ có đứa con khác.  
**V. Ly dị, Sinh con ngoài giá thú và Khuyến khích.**  
A. Ly dị có thể cũng lý giải từ quan điểm kinh tế. Cá nhân cố gắng ly dị khi họ quyết định ràng họ sẽ sống tốt hơn mà không cần người chồng hay người vợ.  
B. Làm cho chi phí ly dị rẻ hơn --> càng nhiều người ly dị. Cấm ly dị - mọi người sẽ nghĩ nghiêm túc hơn về những người mà họ sẽ cưới.  
C. Tình trạng phức tạp: giá trị bạn đời của người phụ nữ thường giảm nhanh hơn so với của người đàn ông. Lợi ích cuộc sống của kết hôn có thể cân bằng cho phụ nữ và đàn ông, nhưng lợi ích cho người đàn ông thường "hưởng trước" (front-loaded) so với phụ nữ. Tiền cấp dưỡng khi ly dị (alimony) là một cách làm cho hai vợ chồng có chung một chí hương và không dễ ly dị.  TQ hiệu đính: khi hai thanh niên và thanh nữ lập gia đình, lương và trình độ học vấn thường thì bằng nhau.  Qua thời gian, vì sinh đẻ và ở nhà nuôi con, cho nên số năm kinh nghiệm trong việc làm của vợ thường ít hơn chồng, và vì thế lương của vợ thường thì ít hơn người chồng.  Ngoài ra, sắc đẹp của người đàn bà phai tàn theo năm tháng, trong khi đàn ông qua thời gian thì có nhiều tiền hơn vì lương cao hơn.  Vì thế, trong đời sống gia đình, đàn ông hưởng lợi trước (i.e. sắc đẹp của vợ, có con để nối dõi, v.v...) trong khi người đàn bà hưởng lợi sau (i.e.  khi sắc đẹp không còn nữa, trong khi ông chồng lương cao, hy vọng ông chồng có tính chung thuỷ, không bỏ vợ già con côi, chia sẽ tiền của mình cùng vợ con, v.v...).  Vì có luật tiền cấp dưỡng ly dị, đàn ông đứng tuổi lương cao ít dám ly dị vợ.  
D. Những trẻ em sinh ra ngoài giá thú cũng có thể phân tích bằng các công cụ kinh tế.  
E. Khi trẻ con trở thành gánh nặng chi tiêu cho các bà mẹ nghèo, bạn thấy rất ít trẻ em sinh ra ngoài giá thú. Trong giai đoạn trước hiện đại, sự ủng hộ của người chồng thường quan trọng để nuôi dưỡng một đứa trẻ.  
F. Khi nuôi trẻ không tốn kém nhiều thì người mẹ sẽ sinh ra nhiều em bé ngoài giá thú hơn. Một cách đơn giản để làm cho việc nuôi dưỡng rẻ hơn để trả lợi ích tương ứng với số trẻ con mà một người mẹ có - một chỉ trích thường thấy về hệ thống phúc lợi xã hội.  
G. Khi thu nhập tăng, các bà mẹ dễ sinh em bé ngoài giá thú hơn thậm chí không cần sự trợ giúp của chính phủ.  
H. Ở nước Mỹ, tỷ lệ sinh con ngoài giá thú đã tăng ở mọi tầng lớp xã hội, nhưng đặc biệt cao hơn ở tầng lớp phụ nữ nghèo. Đối với những người phụ nữ nghèo, khoản phúc lợi có thêm có thể đem lại sự khác biệt lớn.  
I. Nếu thu nhập cao hơn khiến phụ nữ thiên về việc có trẻ con ngoài giá thú, tại sao những người phụ nữ giầu nhất lại có số trẻ con ngoài giá thú ít nhất? Có thể bởi vì trung bình họ có "giá trị bạn đời" cao hơn: khi họ muốn có con, khá dễ dàng tìm thấy một người chồng phù hợp. Những người phụ nữ khác có thể đối mặt với sự lựa chọn giữa có con ngoài giá thú và không có con nữa.  
**VI.Tại sao Lịch sử chuẩn mực của giới tính lại sai lầm?**  
A. Quan điểm của tôi về lịch sử chuẩn mực của giới tính: qua lịch sử nhân loại, nam giới chuyên quyền ép phụ nữ trong một vai trò lệ thuộc. Ít ra thì những người ủng hộ chế độ bình quyền nam nữ đã bắt đầu "nhận thức rõ hơn?" về cảnh ngộ của phụ nữ. Qua một cuộc đấu tranh quyết liệt, cuối cùng thì người phụ nữ - giống nam giới -- có thể theo đuổi giấc mơ và khát vọng, tất nhiên sự bình đẳng đầy đủ vẫn còn lâu mới đạt được.  
B. Tại sao lại sai lầm?

1. Thị trường hò hẹn và kết hôn luôn có cạnh tranh. Thay đổi lịch sử duy nhất liên quan đến quyền sở hữu: Một người phụ nữ có thể tự làm chủ mình? Hay cha của cô ta mới có quyền như vậy?  
2. Cấu trúc gia đình truyền thống là sự cần thiết về mặt kỹ thuật cho hầu hết lịch sử loài người giả định phụ nữ muốn có con. Phần đông áp đảo đã làm như vậy.  
3. Cấu trúc gia đình đã thay đổi bởi vì công nghệ đã giảm gánh nặng công việc gia đình, và bởi gia đình đã giảm số lượng con cái.  
4. Công nghệ cũng thu hẹp lại khoảng cách nam - nữ do cách phá bỏ sự nhấn mạnh đến sức mạnh cơ thể.  
5. Lần đầu tiên trong lịch sử, người phụ nữ có cả sự nghiệp và con cái.  
6. Phụ nữ bước vào thế giới kinh doanh khá nhanh chóng, xem xét kích cỡ thay đổi. "Sự phân biệt đối xử" được giả định phản ánh và tiếp tục phản ánh sự khác biệt nhóm thực tế.  
7. Ngoại trừ phụ nữ những người có con trước, những người khác sẽ kiên trì tái sản xuất do công nghệ thay đổi theo chiều hướng tiến bộ.  
8. Phụ nữ có thể đối mặt với sự phân biệt đối xử thống kê, nhưng việc vắng bớt gánh nặng đã được quy định, phụ nữ có thể thu xếp được. Ví dụ - điều khoản phạt vì tội mang thai khiến phụ nữ tập trung 100% vào công việc để chứng tỏ sự nghiêm túc của họ trong công việc.  
9. Các quy tắc "**nam nữ bình quyền**" có chức năng như là kiểm soát giá cả trên thị trường hò hẹn và kết hôn. "Nhận thức tốt hơn" thường phản năng suất thì chẳng có vấn đề gì cả.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: kinhtehoc.com  
Được bạn: mickey đưa lên  
vào ngày: 14 tháng 10 năm 2004